



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20 /2018/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất
đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy
định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày
03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất,
thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 970/TTr-STC-QLCS ngày
23/3/2018 về việc đề nghị ban hành đơn giá thuê đất để xây dựng công trình
ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;
Công văn số 1620/STC-QLCSGC ngày 08/5/2018 về việc hoàn chỉnh dự thảo
Quyết định quy định đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá
thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá
thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính (đơn vị sự
nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên), đơn vị vũ
trang nhân dân, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có
vốn đầu tư nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cá
nhân được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước; công nhận quyền sử dụng đất
thuộc trường hợp phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và Nghị
định số 46/2014/NĐ-CP.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước như sau:

2.1. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm

a) Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo qui định của Luật Đất đai như sau:

- Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm: Đơn giá bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng;

- Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Đơn giá bằng 30% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

b) Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt có thu tiền thuê đất thì số tiền thuê đất phải nộp của phần diện tích vượt thêm này được xác định theo quy định tại điểm a mục này.

2.2. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai

a) Đối với phần diện tích đất có mặt nước thì đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê bằng 50% đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp do biến động thường xuyên của mức nước mà không thể xác định được chính xác phần diện tích đất, phần diện tích mặt nước tại thời điểm được Nhà nước cho thuê thì phần diện tích mặt nước được xác định theo mức bình quân trong năm làm cơ sở tính tiền thuê đối với phần diện tích này.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp.

Đối với các dự án đã được UBND tỉnh cho thuê đất để xây dựng công trình ngầm, cho thuê đất đối với đất có mặt nước trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa được xác định đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thì được xác định theo quy định này.

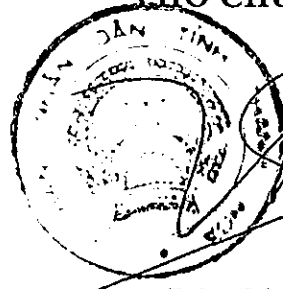
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hoá, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *thực*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
 - Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Công thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTC (HYT).
- QDCD 18-015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *dan*



Lê Thị Thìn
Lê Thị Thìn